TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LV** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 14/2018/HS-ST
Ngày: 16-8-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LV, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Hùng.

Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hoàng Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện LV.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lý Khoa – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2018/TLST-HS ngày 11/5/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2018; Quyết định hõan phiên tòa số: 05/2018/HSST-QĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Đặng Thị Thu S; sinh ngày 11/10/1993.

Hộ khẩu thường trú: Ấp N Q, xã V, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp;

Tạm trú: Nhà trọ Trung Hải, ấp An Thái, xã A, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Ngọc C (chết) và bà Nguyễn Thị S; Sống như vợ chồng với Bùi Hữu G; Con có 01 người, sinh năm 2017.

Tiền sự; Tiền án: Không.

Tạm giữ: ngày 31/12/2017;

Cho bảo lãnh và cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 06/01/2018.

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Thị Thu S: Ông Võ Văn Mão là luật sư của Văn phòng Luật sư Bình Dân, thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang.

2. Bùi Hữu G, sinh năm 1974.

Hộ khẩu thường trú: Ấp An Q, xã M, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp;

Tạm trú: Nhà trọ Trung Hải, ấp An Thái, xã A, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Nghề nghiệp: Thợ hồ; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn Th (chết) và bà Nguyễn Thị T; Vợ Trịnh Ngọc B; Sống như vợ chồng với Đặng Thị Thu S; Con 04 người, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền sự; Tiền án: Không.

Tạm giữ: ngày 31/12/2017;

Tạm giam ngày 09/01/2018.

Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Huyện LV.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1. Nguyễn Minh Th, sinh năm 1995. Địa chỉ cư trú: số 03, ấp Khánh Nhơn, xã Tân Khánh Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

2. Võ Văn Th, sinh năm 1999. Địa chỉ cư trú: số 332/9, ấp Khánh Hòa, xã Tân Khánh Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

3. Lê Văn Đ, sinh năm 1999. Địa chỉ cư trú: Nhà trọ Bảy Thống, ấp Khánh Hòa, xã Tân Khánh Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

4. Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1992. Địa chỉ cư trú: số 324^{B}, ấp Khánh An, xã Tân Khánh Trung, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

5. Võ Công B, sinh năm 2000. Địa chỉ cư trú: số 08, ấp Đông Huề, xã Tân Khánh Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

6. Huỳnh Thị Tuyết C, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: ấp Tân Thuận B, xã Tân Mỹ, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại tòa, nội dung vụ án được tóm tắc như sau:

Đặng Thị Thu S và Bùi Hữu G thuê phòng tại nhà trọ Trung Hải thuộc ấp An Thái, xã A sống với nhau như vợ chồng. Do thấy, việc bán ma túy có lãi nhiều, nên S và G đã mua ma túy của một người tên Súng (không rõ họ tên và địa chỉ) 03 lần với số tiền 1.500.000 đồng về chia nhỏ ra bán cho các con nghiện để kiếm lời. Phương thức mua bán là khi nào các con nghiện có nhu cầu mua ma túy sẽ điện thoại trực tiếp cho S qua số điện thoại 0939.497280, sau đó S hẹn địa điểm giao dịch, khi các con nghiện đến nơi S hoặc G sẽ đến điểm hẹn để giao hàng và lấy tiền. Vào ngày 30/12/2017 S bán ma túy 02 lần cụ thể:

Lần thứ nhất vào khoảng 20 giờ ngày 30/12/2017 Khang gọi vào số di động 0939.497280 của S hỏi mua một bịt ma túy đá với giá 300.000 đồng, S

đồng ý và hẹn Khang đến phòng trọ số 5, Nhà trọ Trung Hải để giao dịch. Khang rủ Võ Công B cùng đi mua ma túy về sử dụng chung thì Bắc đồng ý. Khang lấy xe mô tô chở Bắc đến điểm hẹn nhận ma túy và trả cho S 300.000 đồng, sau đó chở Bắc về đến kênh Thầy Lâm thuộc ấp An Phú, xã M, Khang và Bắc lấy bịt ma túy để vào ống thủy tinh để sử dụng thì bị Công an tỉnh Đồng Tháp kết hợp với Công an xã M phát hiện bắt quả tang hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Lần thứ hai vào khoảng 19 giờ ngày 30/12/2017 Nguyễn Minh Th rủ Võ Văn Th mua ma túy đá về sử dụng, cả hai thống nhất mỗi người hùn 150.000 đồng để mua ma túy. Thái dùng điện thoại di động 0939.194.709 gọi vào số 0939.497.280 của S hỏi mua một bịt ma túy với giá 300.000 đồng, S đồng ý và hẹn đến Nhà trọ Trung Hải để giao dịch. Khoảng 20 giờ 45 phút cùng ngày, Thái điều khiển xe mô tô chở Thịnh đến trước nhà trọ Trung Hải, đến nơi Thái đưa điện thoại cho Thịnh gọi cho S báo là đã đến. S nghe điện thoại của Thịnh xong thì tắt máy và lấy bịt ma túy đã được quấn sẵn bên trong tờ vé số kiến thiết rồi S đi bộ từ trong nhà trọ ra đứng trên cây cầu dal trước cửa nhà trọ Trung Hải, thấy S đi ra, Thịnh xuống xe đi bộ đến chỗ S đang đứng đưa cho S 300.000 đồng, S đưa cho Thịnh một bịt ma túy, Thịnh lấy thêm trong bóp ra 200.000 đồng trả cho S tiền mua ma túy đã thiếu trước đó. Khi S vừa nhận tiền xong thì Công an tỉnh Đồng Tháp kết hợp cùng Công an xã A phát hiện và bắt quả tang, thu giữ trên người của Thịnh một bịt ny lông bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng; thu giữ trên người của S số tiền 2.063.000 đồng, một điện thoại Nokia 1202 màu đen, xám, xanh; Thu giữ trên người của Thái một điện thoại di động hiệu Mobistar màu đen.

Tiến hành khám xét nơi ở của Đặng Thị Ngọc S (phòng trọ số 05 nhà trọ Trung Hải) cơ quan điều tra con thu giữ thêm:

+ 01 điện thoại di động hiệu Sam sung màu trắng đã quan sử dụng, số IMEI: 356753/06/833729/8;

+ 02 viên màu hồng không rõ nhãn hiệu;

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu vàng đồng đã qua sử dụng;

+ 02 hột quẹt đã qua sử dụng; 08 bọc ni lông đã qua sử dụng; 04 cái lưỡi lam; 01 cây cân tiểu ly; 10 ông hút; 02 đoạn ống hút; 01 cuộn băng keo đen; 01 bao thuốc lá hiệu JET; 01 cây kéo;

+ 01 giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị Thanh; 01 giấy phép lái xe tên Nguyễn Thị Thanh; 01 giấy phép lái xe mô tô tên Bùi Anh Tuấn; 03 giấy tờ có ghi số lô, số đề có chữ ký xác nhận của Bùi Hữu G.

Quá trình điều tra còn thể hiện từ cuối tháng 10/2017 cho đến khi bị bắt S và G còn bán ma túy nhiều lần cho Nguyễn Minh Th, Võ Văn Th, Lê Văn Đ, cụ thể:

S bán ma túy cho Thịnh 02 lần vào tháng 11/2017: lần thứ nhất bán một bịt ma túy giá 300.000 đồng; lần thứ hai bán một bịt ma túy giá 500.000 đồng, nhưng Thịnh chỉ trả được 300.000 đồng, còn nợ lại 200.000 đồng.

S và G bán ma túy cho Nguyễn Minh Th 02 lần: lần thứ nhất ngày 30/10/2017 bán một bịt ma túy giá 250.000 đồng, do G giao hàng và nhận tiền; lần thứ hai ngày 31/10/2017 bán một bịt ma túy giá 250.000 đồng do S nhận tiền.

S và G bán ma túy cho Nguyễn Minh Th và Võ Văn Th một lần một bịt ma túy vào ngày 29/10/2017 số tiền 300.000 đồng.

S và G bán ma túy cho Nguyễn Minh Th và Lê Anh Đức một lần một bịt ma túy ngày 29/10/2017 số tiền 300.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số: 06/KL-KTHS ngày 04/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận:

Tinh thể rắn chứa trong một bịt nylon hàn kín được niêm phong trong bao thư ký hiệu A2 gửi giám định là chất ma túy có khối lượng 0,0443gam, loại Methamphetamine.

Tại bản kết luận giám định số: 191/KL-KTHS ngày 26/3/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận:

Chất rắn màu nâu chứa trong ống thủy tinh (nỏ thủy tinh) được niêm phong trong bao thư gửi giám định có Methamphetamine, không xác định được khối lượng do mẫu ít.

Bản cáo trạng số 10/CT-VKSLVo ngày 11/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện LV đã truy tố bị cáo Đặng Thị Thu S và Bùi Hữu G về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo S chỉ thừa nhận có bán một lần ma túy cho Thái và Thịnh thì bị bắt quả tang, còn các lần khác bị cáo S không thừa nhận, nhưng qua lời khai của các đối tượng mua ma túy và các chứng cứ khác có đủ cơ sở xác định S bán ma túy tổng cộng 8 lần cho Thái, Thịnh, Đức, Khang và Bắc.

Đối với bị cáo G đã thừa nhận bán ma túy tổng cộng 7 lần, nhưng căn cứ lời khai của những đối tượng mua ma túy thì bị cáo chỉ bán có ba lần, hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với lời khai của người làm chứng. Do đó Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với Đặng Thị Thu S và Bùi Hữu G về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bị cáo Đặng Thị Thu S và Bùi Hữu G phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm khoản b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đặng Thị Thu S từ 07 (Bảy) đến 08 (tám) năm tù.

Xử phạt bị cáo Bùi Hữu G từ 07 (Bảy) đến 08 (tám) năm tù.

Về hình phạt bổ sung, do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và thuộc diện gia đình có khó khăn về kinh tế, nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Tịch thu, tiêu hủy:

+ 01 *(một)* bịch ma túy còn lại sau giám định có trọng lượng 0,0197gam; mẫu viên nén trong bao thư còn lại sau giám định có trọng lượng 0,2255gam;

+ 02 (hai) hột quẹt đã qua sử dụng; 08 (tám) bọc ny lon đã qua sử dụng; 04 (bốn) cái lưỡi lam; 01 (một) cây cân tiểu ly; 10 (mười) ống hút; 02 (hai) đoạn ống hút; 01 (một) cuộn băng keo đen; 01 (một) bao thuốc lá hiệu JET; 01 (một) cây kéo;

+ 01 (một) ống thủy tinh (nỏ thủy tinh) là mẫu vật còn lại sau giám định.

+ 03 (ba) tờ giấy có ghi số lô, số đề có chữ ký xác nhận của Bùi Hữu G.

Đối với : 01 (một) giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị Thanh; 01 (một) giấy phép lái xe mô tô tên Nguyễn Thị Thanh; 01 (một) giấy phép lái xe mô tô tên Bùi Anh Tuấn, là những giấy tờ do bị cáo S làm giả để sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại Nokia 1202 màu đen, xám, xanh có số điện thoại 0939.497.280 của Đặng Thị Thu S;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobistar màu đen có số điện thoại 0939.194.709 của Nguyễn Minh Th;

Buộc Đặng Thị Thu S nộp lại 2.500.000 đồng là tiền thu lợi bất chính sung vào công quỹ Nhà nước.

Trả lại cho Đặng Thị Thu S: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng đã qua sử dụng, số IMFI: 356753/06/833729/8;

Trả lại cho Bùi Hữu G 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu vàng đồng, đã qua sử dụng;

Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.063.000đ của Đặng Thị Thu S để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tại phiên tòa bị cáo S xác định bị cáo chỉ bán ma túy cho Thịnh một lần vào ngày 30/12/2017 thì bị bắt quả tang. Còn các lần khác bị cáo không thừa nhận có bán ma túy và không biết Thịnh, Thái và Khang.

Tại phiên tòa bị cáo G cho rằng chính bị cáo là người trực tiếp gặp đối tượng tên Súng ở thành phố Cao Lãnh vào khoảng tháng 10/2017 thỏa thuận để

mua ma túy 03 lần, mỗi lần 500.000 đồng về chia ra bán cho các đối tượng nghiện để kiếm lời.

Từ tháng 10 đến ngày 30/12/2017 khi bị bắt quả tang, G đã bán cho Thịnh, Thái, Khang tổng cộng 07 lần, những lần này do G trực tiếp giao dịch và nhận tiền.

Người bào chữa cho bị cáo S cho rằng việc Viện kiểm sát truy tố bị cáo S theo bản cáo trạng là chưa khách quan, chưa phù hợp với diễn biến tại phiên tòa. Hình phạt kiểm sát viên đề nghị áp dụng cho bị cáo là quá nặng.

Tại phiên tòa, bị cáo G đã thừa nhận việc mua ma túy, phân chia ma túy và bán ma túy cho các đối tượng nghiện là do G thực hiện toàn bộ, vì vậy G có vai trò chính trong vụ án, còn S chỉ làm theo yêu cầu của G.

Tại phiên tòa, bị cáo S thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, đang nuôi con nhỏ, không có nhà ở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chuyển khung hình phạt xuống khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo từ 02 đến 03 năm tù.

Đối với khoản tiền thu giữ của bị cáo khi bị bắt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo S và bị cáo G xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Từ những tình tiết và chứng cứ nêu trên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ, vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện LV và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện LV và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định và hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo S và bị cáo G tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người mua ma túy, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang ngày 20/12/2017 của Công an tỉnh Đồng Tháp, Kết luận giám định số: 06/KL-KTHS ngày 04/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Các bị cáo cũng không có khiếu nại gì đối với kết luận giám định. Do đó có đủ căn

cứ xác định: Ngày 30/12/2017 S đã trực tiếp bán ma túy cho Khang và Thái, Thịnh hai lần, mỗi lần 300.000 đồng, khi đang bán cho Thái và Thịnh thì bị bắt quả tang.

Ngoài ra thì S và G còn bán cho Thái, Thịnh và Khang 06 lần khác thu lợi bất chính số tiền 1.900.000 đồng. G thì thừa nhận có bán ma túy 07 lần. Còn S tại phiên tòa không thừa nhận, nhưng qua lời khai của Thái, Thịnh và Khang và các chứng cứ khác có đủ căn cứ xác định S và G có bán 06 lần ma túy cho Thái, Thịnh và Khang. Việc bị cáo G cho rằng chỉ thực hiện một mình chứ bị cáo S không có tham gia là không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Bộ luật tố tụng hình sự, vì tại biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất giữa S và Khang, Thái, Thịnh các đối tượng này đều xác định trực tiếp giao dịch điện thoại với S và giao tiền, nhận hàng từ S. Do đó việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp đối với bị cáo S và bị cáo G là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo S và bị cáo G phạm tội: Mua bán trái phép chất ma tuý, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện thấy rằng: Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo gây ra là rất nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, ảnh hưởng đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất gây nghiện, là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội khác. Chất ma túy là loại độc dược gây hại cho sức khỏe của con người. Hiện nay, việc đấu tranh phòng chống tệ nạn ma túy đang là nhiệm vụ cấp bách của toàn xã hội. Chính vì vậy, mọi hành vi mua bán trái phép chất ma túy đều phải bị xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng quy định của pháp luật.

Trong vụ án này cả hai bị cáo cùng thực hiện tội phạm, nhưng không có sự bàn bạc, phân công cụ thể, nên đây chỉ là đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên xét về tính chất, mức độ phạm tội có khác nhau. Đối với bị cáo S là người trực tiếp nhận điện thoại và hẹn thời gian địa điểm giao hàng và nhận tiền tổng cộng sáu lần, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án này. Còn bị cáo G khi được bị cáo S đưa hàng đi giao cho các đối tượng mua, đáng lý ra bị cáo phải biết từ chối và can ngăn bị cáo S, nhưng bị cáo không làm như vậy mà lại đồng ý và tích cực thực hiện tội phạm, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm.

[4] Xét nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Bị cáo S trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, bị cáo không thành khẩn khai báo, nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, hiện nay bị cáo đang nuôi con nhỏ đưới 36 tháng tuổi và thuộc diện gia đình có hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, đây là tình tiết giảm trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo G trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, cha, mẹ bị cáo là người có

công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng huy chương, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Các bị cáo nhận thức rõ hành vi mua bán ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, không những vậy mà còn tạo điều kiện, lôi kéo các đối tượng nghiện chất ma túy lao sâu vào con đường tệ nạn xã hội. Hành vi mà các bị cáo gây ra cần phải bị xử lý nghiêm trước pháp luật, cần cách ly bị các cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định mới có thể giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội, gia đình và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng", do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo thể hiện: các bị cáo không nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Tại phiên toà, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra và xử lý vật chứng đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đối với người tên Súng bán ma túy cho bị cáo G, do bị cáo không biết tên, tuổi, địa chỉ của người này nên Cơ quan điều tra không làm rõ được để xử lý trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với Nguyễn Minh Th, Võ Văn Th, Võ Công B, Nguyễn Văn Kh và Lê Văn Đ là những người mua ma túy của bị cáo về để sử dụng. Các đối tượng trên đều là người nghiện ma túy, hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Thái, Thịnh, Bắc, Đức và Khang chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự, Công an huyện LV đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với các đối trượng trên với hình thức cảnh cáo. Hội đồng xét xử thấy phù hợp nên không xem xét.

[10] Xét ý kiến của người bào chữa cho bị cáo S đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử bị cáo S từ hai đến ba năm tù là không có căn cứ. Vì việc khai nhận tội của bị cáo G tại phiên tòa nhằm mục đích nhận tội thay cho bị cáo S, không đúng sự thật khách quan của vụ án và không phù hợp với quy định của pháp luật.

[11] Bị cáo S và bị cáo G phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Thị Thu S và Bùi Hữu G phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 17; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Thị Thu S 7 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt, được trừ thời gian tạm giữ.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Hữu G 07(Bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2017.

Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy:

+ 01 *(một)* bịch ma túy còn lại sau giám định có trọng lượng 0,0197gam; mẫu viên nén trong bao thư còn lại sau giám định có trọng lượng 0,2255gam;

+ 02 (hai) hột quẹt đã qua sử dụng; 08 (tám) bọc ny lon đã qua sử dụng; 04 (bốn) cái lưỡi lam; 01 (một) cây cân tiểu ly; 10 (mười) ống hút; 02 (hai) đoạn ống hút; 01 (một) cuộn băng keo đen; 01 (một) bao thuốc lá hiệu JET; 01 (một) cây kéo;

+ 01 (một) ống thủy tinh (nỏ thủy tinh) là mẫu vật còn lại sau giám định.

+ 03 (ba) tờ giấy có ghi số lô, số đề có chữ ký xác nhận của Bùi Hữu G.

+ 01 (một) giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị Thanh;

+ 01 (một) giấy phép lái xe mô tô tên Nguyễn Thị Thanh;

+ 01 (một) giấy phép lái xe mô tô tên Bùi Anh Tuấn.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại Nokia 1202 màu đen, xám, xanh có số điện thoại 0939.497.280 của S;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobistar màu đen có số điện thoại 0939.194.709 của Thái.

Buộc Đặng Thị Thu S nộp lại 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền thu lợi bất chính sung vào công quỹ Nhà nước.

Trả lại cho Đặng Thị Thu S 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng đã qua sử dụng, số IMFI: 356753/06/833729/8;

Trả lại cho Bùi Hữu G 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu vàng đồng, đã qua sử dụng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.063.000 đồng (Hai triệu không trăm sáu mươi ba nghìn đồng) của Đặng Thị Thu S để đảm bảo cho việc thi hành án.

Toàn bộ vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV, theo biên bản giao nhận tang vật, tài sản ngày 29/5/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện LV và Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Đặng Thị Thu S và Bùi Hữu G mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã Ký

Nguyễn Văn Hằng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở tư pháp Đồng Tháp;
- VKSND huyện LV;
- CQCSĐT CA huyện LV;
- Chi cục THADS huyện LV;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA, VPTA.